

## SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VỀ KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI – NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI LÀO CAI

Hà Quang Trung<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thanh Hiếu<sup>1</sup>, Ngô Tất Thắng<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên,

<sup>2</sup>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### TÓM TẮT

Nghiên cứu sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai nhằm chỉ ra được những mặt được, mặt chưa được dưới góc độ đánh giá của người dân - chủ thể của chương trình cũng là đối tượng thụ hưởng của chương trình. Cùng với việc phân tích các tài liệu thứ cấp, trong bài viết đã sử dụng thang đo Likert khảo sát 60 hộ dân để đánh giá sự hài lòng về chương trình xây dựng nông thôn mới. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một số khía cạnh hoạt động trong xây dựng nông thôn mới cần được quan tâm thúc đẩy như: sự vào cuộc của các doanh nghiệp chưa cao, hệ thống tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn vẫn còn bất cập. Những gợi ý giải pháp của bài viết có thể sử dụng tham khảo cho xây dựng nông thôn mới của giai đoạn tiếp theo.

**Từ khóa:** Sự hài lòng; người dân; kết quả; xây dựng nông thôn mới; Lào Cai.

*Ngày nhận bài: 10/6/2020; Ngày hoàn thiện: 22/6/2020; Ngày đăng: 29/6/2020*

## ANALYSIS OF FARMERS' SATISFACTION WITH THE NATIONAL TARGET PROGRAM ON NEW RURAL DEVELOPMENT: THE CASE OF LAO CAI

Ha Quang Trung<sup>1\*</sup>, Nguyen Thanh Hieu<sup>1</sup>, Ngo Tat Thang<sup>2</sup>

<sup>1</sup>TNU - University of Agriculture and Forestry,

<sup>2</sup>Ministry of Agriculture and Forestry

### ABSTRACT

Studying farmer's satisfied behavior on results of new rural construction in Lao Cai province aims to assess achievements and constraints under local people's viewpoint who are main actors and beneficiaries of the program. In addition to secondary data and literature review, this study analyzed primary data of 60 local people to assess their satisfaction in new rural construction using Likert-scale method. The study revealed several important aspects that need to be improved in the process, including limited participation of enterprises, issues related to agricultural development credit support systems. Policy implications in the study could be good evidences to improve effectiveness of new rural construction program in the next phases.

**Keywords:** Satisfaction; local people; result; new rural construction; Lao Cai province.

*Received: 10/6/2020; Revised: 22/6/2020; Published: 29/6/2020*

\* Corresponding author. Email: haquangtrung@tuaq.edu.vn

## 1. Đặt vấn đề

Sau gần 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) xây dựng Nông thôn mới (NTM) theo tinh thần Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ, bộ mặt nông thôn Việt Nam đã có nhiều nhiều thay đổi tích cực, đời sống người dân được nâng cao, cơ sở hạ tầng nông thôn được cải thiện rõ rệt, tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh, an sinh xã hội ngày càng ổn định, hệ thống chính trị ngày càng hoàn thiện vững chắc [1]. Kết quả chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) toàn quốc đã đạt vượt mục tiêu và về đích trước 18 tháng. Tính đến tháng 10/2019, cả nước đã có 4.665 xã (52,4%) đã được công nhận đạt chuẩn NTM, và hoàn thành vượt 2,4% so với mục tiêu 10 năm (2010-2020) của Đảng, Quốc hội và Chính phủ giao. Trong đó khu vực Miền núi phía Bắc đạt 28,6% đã hoàn thành vượt mục tiêu 5 năm (2016-2020) được Thủ tướng Chính phủ giao [2].

Lào Cai từ một tỉnh nghèo, miền núi đã từng bước vươn lên và trở thành một trong những điểm sáng trong xây dựng NTM ở khu vực miền núi phía Bắc. Trong giai đoạn 2010-2020, Trung ương giao tỉnh Lào Cai đến hết năm 2020, sẽ đạt 28% số xã đạt chuẩn NTM. Theo báo cáo tổng kết 10 năm xây dựng NTM của tỉnh Lào Cai, tính đến hết tháng 9/2019, đã có là 48/143 xã đạt chuẩn NTM, vượt mục tiêu Trung ương giao [3].

Để thấy được bức tranh về sự hài lòng của người dân về xây dựng NTM, nghiên cứu đã chọn địa bàn tỉnh Lào Cai để tiến hành khảo sát và phân tích.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp: Số liệu thứ cấp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc phân tích kết quả xây dựng NTM của toàn quốc và của các địa phương. Tài liệu được thu thập từ văn phòng NTM từ Trung ương đến địa phương và các cơ quan liên quan.

Số liệu sơ cấp: Được thu thập trong năm 2019,

để đánh giá sự hài lòng của người dân về xây dựng NTM, nghiên cứu đã chọn hai huyện đại diện cho hai vùng: vùng thấp (có điều kiện thuận lợi) và vùng cao, biên giới (có điều kiện khó khăn), mỗi huyện chọn 01 xã đạt chuẩn NTM và 01 thôn đạt chuẩn NTM, mỗi thôn chọn 30 hộ để khảo sát, theo phương pháp bốc thăm ngẫu nhiên theo danh sách.

### 2.2. Phương pháp xử lý thông tin

Thông tin thu thập từ phỏng vấn hộ được tổng hợp và xử lý phần mềm Excel trên máy vi tính.

### 2.3. Phương pháp phân tích

Bên cạnh các phương pháp phân tích truyền thống trong các nghiên cứu kinh tế xã hội như: Phương pháp phân tổ thống kê, phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, nghiên cứu sử dụng thang đo do Rennnis Likert - 1932 (thang đo 5 bậc) để đánh giá sự hài lòng của người dân về xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Các mức độ đánh giá của thang đo cụ thể: (i) Rất không hài lòng (1 điểm); (ii) Không hài lòng (2 điểm); (iii) Trung lập (3 điểm); (iv) Hài lòng (4 điểm); (v) Rất hài lòng (5 điểm) [4], [5], [6].

Điểm bình quân được tính bằng công thức tính số bình quân cộng gia quyền:

$$\bar{x} = \frac{\sum x_i f_i}{\sum f_i}$$

Trong đó:  $\bar{x}$  - là điểm bình quân

$x_i$  - là điểm đánh giá thứ i

$f_i$  - số phiếu nhận điểm  $x_i$

Với khoảng biến thiên từ 1-5, xác định bước nhảy bằng công thức:

$$R = (x_{\max} - x_{\min}) / 5 = (5 - 1) = 0,8$$

Các kết luận tương ứng mức điểm bình quân [4], [5], [6]:

1,0-1,80: Rất không hài lòng;

1,81-2,60: Không hài lòng;

2,61-3,40: Trung lập;

3,41-4,20: Hài lòng;

4,21-5,0: Rất hài lòng.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Kết quả xây dựng NTM tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011-2019

Chương trình MTQG XDNTM tỉnh Lào Cai sau gần 10 năm triển khai thực hiện đã thu hái được những thành tựu đáng kể về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương: Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến 09/2019 là 48/143 xã, tăng 48 xã so với năm 2010; bình quân đạt 13,5 tiêu chí/xã, tăng 10,2 tiêu chí so với năm 2010; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 23,46 triệu đồng/người/ năm, tăng 16,02 triệu đồng so với năm 2010; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều còn 21%, giảm 22,85% so với năm 2015; toàn tỉnh có 70 thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, 96 thôn đạt thôn Nông thôn mới [3], [7].

Kết quả XD NTM trên 19 tiêu chí cụ thể: (1) Về quy hoạch: có 143/143 xã đạt tiêu chí về quy hoạch; (2) Về giao thông: Cơ bản các thôn trong tỉnh có đường giao thông đi tới trung tâm của thôn, có 70/143 xã đạt tiêu chí về giao thông; (3) Về thủy lợi: có 143/143 xã đạt chuẩn tiêu chí về thủy lợi; (4) Về điện: có 109/143 xã đạt tiêu chí về điện; (5) Về trường học: có 85 xã/143 xã đạt tiêu chí trường học; (6) Về cơ sở vật chất văn hóa: có 72 xã/143 xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa; (7) Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: có 131 xã/143 xã đạt tiêu chí hạ tầng thương mại nông thôn; (8) Về thông tin – truyền thông: có 109/143 xã hoàn thành tiêu chí thông tin và truyền thông; (9) Về nhà ở dân cư nông thôn: có 78/143 xã đạt tiêu chí nhà ở dân cư; (10) Về thu nhập: có 59/143 xã đạt tiêu chí thu

nhập; (11) Về tỉ lệ hộ nghèo: có 59/143 xã đạt tiêu chí hộ nghèo; (12) Về tỉ lệ lao động có việc làm thường xuyên: có 143 xã/143 xã đạt tiêu chí lao động có việc làm; (13) Về hình thức tổ chức sản xuất: có 112/143 xã đạt tiêu chí tổ chức sản xuất; (14) Về giáo dục và đào tạo: có 115/143 xã đạt chuẩn tiêu chí giáo dục và đào tạo; (15) Về Y tế: có 127/143 xã đạt chuẩn tiêu chí về y tế; (16) Về văn hóa: có 120/143 xã đạt tiêu chí văn hóa; (17) Về Môi trường và an toàn thực phẩm: có 72/143 xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm; (18) Hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật: có 52/143 xã đạt chuẩn tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị và tiếp cận pháp luật; (19) Tiêu chí Quốc phòng và an ninh: có 131/143 xã đạt tiêu chí quốc phòng và an ninh [3], [7].

Những kết quả đạt được trong XD NTM của Lào Cai là kết quả của sự đồng thuận và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, đặc biệt là vai trò chủ thể của người dân trong XD NTM.

#### 3.2. Đánh giá mức độ hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới

Thực hiện phương châm trong XD NTM là “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ”, chương trình MTQG XD NTM đã thực sự tạo ra sự chuyển biến tích cực về kinh tế xã hội vùng nông thôn. Qua khảo sát hai thôn (Na Lo và Nậm Dù) cho thấy người dân Khá hài lòng về những thành quả đem lại từ chương trình cho gia đình của họ, kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng của người dân giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2015-2020 thể hiện trong bảng 1.

**Bảng 1.** Mức độ hài lòng của người dân giai đoạn 2015-2020 so với giai đoạn trước

| STT                   | Nội dung đánh giá                                  | Kết quả     | Mức đánh giá        |
|-----------------------|----------------------------------------------------|-------------|---------------------|
| 1                     | Điều kiện và trang thiết bị của hộ                 | 3,77        | Khá hài lòng        |
| 2                     | Thu nhập của hộ gia đình                           | 3,65        | Khá hài lòng        |
| 3                     | Công ăn việc làm của các thành viên trong gia đình | 3,48        | Khá hài lòng        |
| 4                     | Việc học tập của con, em trong gia đình            | 3,11        | Hài lòng            |
| <b>Đánh giá chung</b> |                                                    | <b>3,46</b> | <b>Khá hài lòng</b> |

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019)

Các nội dung về thu nhập, điều kiện trang thiết bị và công ăn việc làm đều được người dân đánh giá Khá hài lòng (kết quả nhận được từ 3,48-3,77). Tuy nhiên việc học tập của con em trong gia đình cũng đang có những trở ngại nhất định, mức độ đánh giá ở mức Hài lòng (3,11).

Khảo sát về sự hài lòng của người dân về hiện trạng cơ sở hạ tầng, hoạt động văn hóa – xã hội ở địa phương (thể hiện trong bảng 2), kết quả cho thấy người dân *Rất hài lòng* (4,37) về chất lượng đường giao thông trên địa bàn thôn xã đã đáp ứng rất tốt việc đi lại, sinh hoạt, sản xuất của người dân. Điều này cũng có thể nói lên trong quá trình triển khai thực hiện xây dựng đường giao thông trên địa bàn, sự tham gia của người dân trong các hoạt động như quy hoạch, xây dựng kế hoạch, tham gia lựa chọn, tham gia thực hiện, tham gia giám sát các công trình đã tạo được sự tin tưởng và tự giác của người dân. Trong việc xây dựng đường giao thông nông thôn đã có nhiều tấm gương người dân hiến đất, tham gia lao động để thực hiện, các hoạt động đáng trân quý đó góp phần xây dựng nông thôn ngày càng tươi đẹp.

Người dân cũng *Khá hài lòng* về một số công

trình như: Hệ thống điện (4,02); chất lượng nhà văn hóa (3,85); nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể thao (3,80); nhu cầu mua bán thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt (3,97); vệ sinh an toàn thực phẩm (3,90); và chất lượng khám chữa bệnh ở địa phương (3,72).

Một số công trình người dân đánh giá ở mức độ *Hài lòng*, như: hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiêu, phục vụ sản xuất và sinh hoạt (3,05); về điều kiện học tập của con em họ (2,85); về sự hấp dẫn của Bưu điện địa phương (3,33).

Trong các nội dung khảo sát, người dân cũng thẳng thắn khẳng định sự *Không hài lòng* (2,35) chưa thường xuyên tham gia sinh hoạt, hội họp tại nhà văn hóa; người dân đã *Không hài lòng* việc các hoạt động phục vụ của bưu điện (2,35).

Đánh giá chung người dân *Khá hài lòng* (4,10) về kết quả này.

**Bảng 2. Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với các công trình hạ tầng**

| STT                   | Nội dung đánh giá                                     | Kết quả     | Mức đánh giá        |
|-----------------------|-------------------------------------------------------|-------------|---------------------|
| 1                     | Chất lượng đường giao thông trên địa bàn thôn, xã     | 4,37        | Rất hài lòng        |
| 2                     | Hệ thống điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất           | 4,02        | Khá hài lòng        |
| 3                     | Mức độ hài lòng đối với nhu cầu mua bán hàng ngày     | 3,97        | Khá hài lòng        |
| 4                     | Mức độ yên tâm đối với vệ sinh, an toàn của thực phẩm | 3,90        | Khá hài lòng        |
| 5                     | Chất lượng nhà văn hóa thôn                           | 3,85        | Khá hài lòng        |
| 6                     | Mức độ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhà văn hóa thôn | 3,80        | Khá hài lòng        |
| 7                     | Mức độ hài lòng với chất lượng khám, chữa bệnh        | 3,72        | Khá hài lòng        |
| 8                     | Mức độ thường xuyên đến bưu điện xã của gia đình      | 3,33        | Hài lòng            |
| 9                     | Hệ thống thủy lợi phục vụ tưới, tiêu trên địa bàn     | 3,05        | Hài lòng            |
| 10                    | Mức độ hài lòng về điều kiện học tập của con em       | 2,85        | Hài lòng            |
| 11                    | Mức độ đáp ứng các công việc thực hiện tại bưu điện   | 2,35        | Không hài lòng      |
| 12                    | Các hoạt động cộng đồng tại nhà văn hóa thôn          | 2,35        | Không hài lòng      |
| <b>Đánh giá chung</b> |                                                       | <b>4,10</b> | <b>Khá hài lòng</b> |

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019)

Bảng 3 là kết quả khảo sát về sự hài lòng của người dân về phát triển sản xuất ở địa phương. Có hai nội dung được người dân *Rất hài lòng* về mức độ thuận lợi trong việc mua các vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh (4,20) và hiệu quả sản xuất và hiệu quả kinh tế của hộ khi tham gia HTX (4,23).

**Bảng 3. Sự hài lòng đối với hoạt động phát triển sản xuất**

| STT                   | Nội dung đánh giá                                               | Kết quả     | Mức đánh giá        |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|
| 1                     | Về hiệu quả sản xuất và kinh tế của hộ khi tham gia HTX         | 4,23        | Rất hài lòng        |
| 2                     | Mức độ thuận lợi trong việc mua các vật tư phục vụ SXKD         | 4,20        | Rất hài lòng        |
| 3                     | Về giá cả, chất lượng các sản phẩm, dịch vụ đầu vào             | 3,90        | Khá hài lòng        |
| 4                     | Về trình độ, kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất của các thành viên  | 3,93        | Khá hài lòng        |
| 5                     | Về việc được tập huấn, cung cấp thông tin thị trường, dịch bệnh | 3,87        | Khá hài lòng        |
| 6                     | Hộ gia đình có là thành viên của HTX nông nghiệp trên địa bàn   | 3,87        | Khá hài lòng        |
| 7                     | Thuận lợi trong việc bán các sản phẩm                           | 3,85        | Khá hài lòng        |
| 8                     | Về giá cả thị trường đầu ra                                     | 3,32        | Hài lòng            |
| 9                     | Thuận lợi trong việc vay vốn ngân hàng phục vụ SXKD             | 2,37        | Không hài lòng      |
| <b>Đánh giá chung</b> |                                                                 | <b>4,17</b> | <b>Khá hài lòng</b> |

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019)

Người dân cũng *Khá hài lòng* về giá cả, chất lượng các sản phẩm, dịch vụ đầu vào (3,90); về mức độ thuận lợi trong việc bán các sản phẩm (3,85); về trình độ, kinh nghiệm, kỹ thuật sản xuất của các thành viên trong hộ gia đình (3,93); về việc được tập huấn, cung cấp thông tin thị trường, dịch bệnh, kỹ thuật sản xuất mới (3,87); về gia đình có là thành viên của HTX nông nghiệp trên địa bàn (3,87).

Tuy nhiên về giá cả thị trường đầu ra do ảnh hưởng của nhiều nguyên nhân trong đó có sự phụ thuộc quá nhiều vào trung gian nên người dân không chủ động về giá bán và họ chấp nhận mức đánh giá *Hài lòng* (3,32); đáng kể là hoạt động tín dụng cho vay vốn phục vụ SXKD của các ngân hàng chưa được thuận lợi nên người dân *Không hài lòng* (2,37) người dân không *hài lòng* về độ thuận lợi trong việc vay vốn ngân hàng phục vụ SXKD; Đánh giá chung, người dân *Khá hài lòng* (4,17) đối với hoạt động phát triển sản xuất.

Quá trình triển khai XD NTM có ảnh hưởng quan trọng, có tính chất quyết định, khẳng định sự phù hợp của chương trình, sự sáng tạo trong tổ chức thực hiện và sự đồng thuận của hệ thống chính trị xã hội. Việc tổ chức thực hiện ở mỗi nơi, mỗi lúc có sự vận dụng sáng tạo của địa phương cho phù hợp với thực tiễn, thông qua đó để có những hình thức tổ chức, phương pháp tiếp cận phù hợp. Kết quả khảo sát người dân cho thấy quá trình triển khai các hoạt động XD NTM của Lào Cai được người dân đánh giá cao. Kết quả khảo sát sự *hài lòng* về quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới được thể hiện trong bảng 4. Trong đó với nội dung vai trò của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể trong xây dựng NTM

và công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin cho người dân về xây dựng nông thôn mới, người dân *Rất hài lòng* (4,27); người dân *Khá hài lòng* đối với nội dung tính công khai minh bạch trong các hoạt động xây dựng nông thôn mới (4,07) và việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò của người dân theo tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ” được (4,17), vai trò của Ban phát triển thôn trong tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện các hoạt động xây dựng NTM (3,98).

Doanh nghiệp với vai trò là động lực cho phát triển kinh tế, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay vai trò của doanh nghiệp trong xây dựng NTM nói chung và trong phát triển sản xuất nông nghiệp vẫn chưa được rõ nét, người dân đánh giá mức *Hài lòng* về vai trò của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế (3,10).

Với kết quả *Không hài lòng* (2,30) về Vai trò của các tổ chức tín dụng cho thấy sự vào cuộc của các tổ chức tín dụng trong xây dựng nông thôn mới còn khá mờ nhạt, chưa thực sự đi vào thực tiễn đời sống của người dân.

Kết quả khảo sát trong bảng 4 đã phản ánh khách quan sự *hài lòng* của người dân về vai trò trách nhiệm của mình trong xây dựng NTM. Tiêu chí *Người dân được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về các nội dung xây dựng nông thôn mới* được người dân đánh giá ở mức *Khá hài lòng* (4,10); Người dân cũng đánh giá *Khá hài lòng* đối với các tiêu chí *Người dân được bàn bạc và quyết định lựa chọn công trình, thi công công trình ở thôn, ấp* (4,07); *Việc huy động đóng góp của người dân bằng tiền* (4,02); *Việc vận động người dân hiến đất để thi công các công trình hạ tầng* (3,77).

**Bảng 4. Sự hài lòng về quá trình triển khai xây dựng nông thôn mới**

| STT                   | Nội dung đánh giá                                                        | Kết quả     | Mức đánh giá        |
|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|
| 1                     | Vai trò của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể                       | 4,27        | Rất hài lòng        |
| 2                     | Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin cho người dân                  | 4,27        | Rất hài lòng        |
| 3                     | Việc thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ” | 4,17        | Khá hài lòng        |
| 4                     | Tính công khai, minh bạch trong các hoạt động                            | 4,07        | Khá hài lòng        |
| 5                     | Vai trò của Ban phát triển thôn trong xây dựng NTM                       | 3,98        | Khá hài lòng        |
| 6                     | Vai trò của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế                        | 3,10        | Hài lòng            |
| 7                     | Vai trò của các tổ chức tín dụng                                         | 2,30        | Không hài lòng      |
| <b>Đánh giá chung</b> |                                                                          | <b>4,07</b> | <b>Khá hài lòng</b> |

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019)

Trong các tiêu chí về phát huy vai trò trách nhiệm của người dân việc đóng góp ngày công lao động; Tự đánh giá mức độ phát huy vai trò, trách nhiệm của gia đình trong xây dựng nông thôn mới; Mức độ tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới của cộng đồng dân cư trên địa bàn thôn và toàn xã được người đánh giá rất cao ở mức Rất hài lòng (4,23 – 4,33). Số liệu chi tiết được thể hiện ở bảng 5.

**Bảng 5. Sự hài lòng về vai trò trách nhiệm của người dân**

| STT                   | Nội dung đánh giá                                               | Kết quả     | Mức đánh giá        |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|
| 1                     | Mức độ phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân và gia đình    | 4,33        | Rất hài lòng        |
| 2                     | Việc huy động người dân tham gia ngày công lao động             | 4,32        | Rất hài lòng        |
| 3                     | Mức độ tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới của cộng đồng   | 4,23        | Rất hài lòng        |
| 4                     | Được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến                        | 4,10        | Khá hài lòng        |
| 5                     | Được bàn bạc và quyết định chọn công trình, thi công công trình | 4,07        | Khá hài lòng        |
| 6                     | Việc huy động đóng góp của người dân bằng tiền                  | 4,02        | Khá hài lòng        |
| 7                     | Việc vận động người dân hiến đất                                | 3,77        | Khá hài lòng        |
| <b>Đánh giá chung</b> |                                                                 | <b>4,27</b> | <b>Rất hài lòng</b> |

(Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2019)

### 3.3. Một số bài học kinh nghiệm trong XD NTM rút ra từ Lào Cai

*Trước hết*, xác định rõ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chương trình tổng hợp về chính trị - kinh tế - xã hội. Để thực hiện thành công Chương trình cả hệ thống chính trị phải có quyết tâm cao, cùng với các cấp ủy, đảng, chính quyền có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát và liên tục.

*Thứ hai*, có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên sâu sát, quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, sự tham gia tích cực và phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể. Trong đó, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền có vai trò quan trọng. Thực tiễn cho thấy nơi nào các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể thực sự quan tâm vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì trong cùng hoàn cảnh còn nhiều khó khăn vẫn tạo ra sự chuyển biến rõ nét.

*Thứ ba*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua chuyên đề xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên cập nhật, phổ biến các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới để nhân ra diện rộng. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, Đảng viên, nhất là cán bộ ở thôn, bản, người có uy tín.

*Thứ tư*, Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện các lĩnh vực chính trị, kinh tế xã hội cho khu vực nông thôn do vậy cần phải gắn nội dung xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu nông nghiệp và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*Thứ năm*, tổ chức lồng ghép sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trong đó có nguồn hỗ trợ từ ngân sách của Nhà nước và các nguồn lực khác; việc huy động, đóng góp của người dân phải được thực hiện trên cơ sở thực sự tự nguyện, bàn bạc dân chủ không gượng ép quá sức dân.

*Thứ sáu*, để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền vận động phục vụ xây dựng nông thôn mới cần phải phát huy có hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, đa dạng hóa hình thức, nội dung hoạt động; đồng thời đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp triển khai để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

### 3.4. Một số giải pháp XD NTM cho giai đoạn tiếp theo

*Một là*, tiếp tục khẳng định và phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM. Hiểu đúng và thực hiện đầy đủ phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng thụ”.

*Hai là*, đẩy mạnh các chương trình phát triển kinh tế trong nông thôn, triển khai có hiệu quả chương trình Mỗi xã một sản phẩm – OCOP, coi đây là trọng tâm của giải pháp phát triển kinh tế nông thôn trong chương trình xây dựng NTM.

*Ba là*, việc thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu nên phân cấp nhiều hơn các tiêu chí, các chỉ tiêu cụ thể cho các địa phương, có thể phân cấp đến cấp huyện để phát huy tính cộng đồng của các vùng, các phong tục tập quán của đồng bào trên cơ sở đảm bảo các tiêu chí “cứng” của quốc gia.

*Bốn là*, cần xây dựng chính sách và cơ chế phù hợp để thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao;

*Năm là*, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

*Sáu là*, đổi mới phương pháp tiếp cận, rà soát quy trình và công tác thực hiện các chính sách tín dụng, hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho các đối tượng chính sách và người sản xuất nông nghiệp.

#### 4. Kết luận

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới sau 10 năm triển khai thực hiện đã thực sự khẳng định tính phù hợp, tính cấp thiết của chương trình. Trong quá trình triển khai thực hiện chương trình, nhiều địa phương đã có nhiều sáng tạo, vận động được toàn bộ hệ thống chính trị và đông đảo nhân dân tham gia. Qua ý kiến về sự hài lòng của người dân về các nội dung triển khai của chương trình xây dựng NTM tại Lào Cai, cần

có những giải pháp vừa có tính căn cơ, vừa có tính đột phá để thu hút các doanh nghiệp, các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Kết quả xây dựng nông thôn mới là một bài học thực tiễn có giá trị sâu sắc về tính đúng đắn, tính sáng tạo và sức mạnh của nhân dân. Các giải pháp của tác giả là một thông tin mới, có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. The Prime Minister, *Decision No. 800/QĐ-TTg of June 04, 2010, on approving the national target program on building a new countryside during 2010-2020*, 2010.
- [2]. Ministry of Agriculture and Forestry, *Summarizing 10 years of the National Target Program on New Rural Program - Working paper - The national Conference: Summarize 10 years of the National Target Program on New Rural program in the period of 2010-2020*, 2019.
- [3]. Lao Cai People's Committee, *Summarizing report of the National Target Program on New Rural Development of Lao Cai period 2010-2019 – Working paper*, 2019.
- [4]. D. N. Le, and T. L. Truong, “People's satisfaction with new rural development program in Ea Tieu commune, Cu Kuin district, Dak Lak province,” *Hue University Journal of Science*, vol. 126, no. 5A, pp. 219-227, 2017.
- [5]. R. Likert, *A Technique for the Measurement of Attitudes*, In the Science press, New York, 1932.
- [6]. T. H. Pham, and D. H. Le, “Factors influencing satisfaction of people for quality of public administration services in Cam My district, Dong Nai provin,” *Journal of Forestry Science and Technology*, vol. 3, pp. 28-38, 2018.
- [7]. Lao Cai People's Committee, *Summarizing report of the National Target Program on New Rural Development of Lao Cai period 2010-2015 – Working paper*, 2015.